

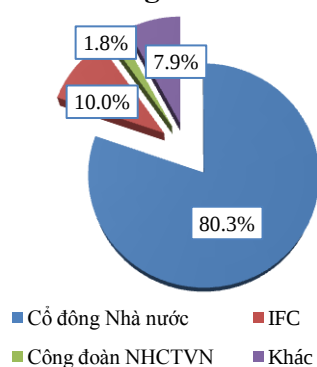
BÁO CÁO PHÂN TÍCH KQKD QUÝ 2/2012 CỦA VIETINBANK

I. ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

Thông tin cổ phiếu

Mã chứng khoán	CTG
Ngày giao dịch	16/7/2009
SLCP lưu hành	2.622 triệu cp
EPS cơ bản	2.390 đồng
P/E	8,25x
BVPS	11.310 đồng
Hệ số Beta	0,83

Cơ cấu cổ đông



Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	2010	2011	Q2/2012
TTS (tỷ đồng)	367.731	460.604	405.340
VCSH (tỷ đồng)	18.201	28.491	30.617
LNST (tỷ đồng)	3.414	6.259	2.919
ROA (%)	1,5	2,03	0,61
ROE (%)	22,1	26,74	8,02
NIM (%)	3,42	4,54	4,84
CAR (%)	8,02	10,57	11,9
NPL (%)	0,66	0,75	2,5
LDR (%)	113,74	114,06	112,9
LAR (%)	63,69	63,71	70,28

- ❖ **Đến 30/6/2012, VietinBank là ngân hàng có quy mô tổng tài sản lớn nhất** trong các NHTMCP đang niêm yết.
- ❖ **Là ngân hàng giữ vai trò trụ cột của hệ thống tài chính, ngân hàng Việt Nam với thị phần lớn, đa dạng.** Hiện nay, thị phần huy động vốn gần 11%, thị phần tín dụng trên 13%, thị phần thanh toán thẻ tín dụng quốc tế là 30%, thị phần chuyển tiền kiều hối là 15% trong toàn hệ thống.
- ❖ **Hiệu quả hoạt động tăng nhanh từ sau khi cổ phần hóa.** Hiệu suất sinh lời như ROA và ROE đạt tương ứng 1,5% và 26,8% vào cuối năm 2011 so với 1,0% và 15,7% vào cuối năm 2008, trước khi cổ phần hoá. Chi phí/thu nhập và chi phí/tổng nợ ở mức 40,6% và 3,5% vào cuối năm 2011 so với mức 57% và 4,5% vào cuối năm 2008. 6 tháng đầu năm 2012, ROE, ROA của CTG giảm theo xu hướng chung của toàn hệ thống ngân hàng, nhưng vẫn cao hơn mức trung bình ngành.
- ❖ **Nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn của đối tác chiến lược IFC về nhiều mặt như quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, công nghệ thông tin...**
- ❖ **Nguồn nhân lực có chất lượng cao và liên tục được nâng cao.** 80% lao động có trình độ đại học và trên đại học (tỷ lệ này được tăng dần qua các năm).
- ❖ **Các mảng hoạt động phi tín dụng đều báo lãi trong Quý 2/2012.** Trong đó, thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh và đầu tư tăng mạnh so với cùng kỳ 2011.
- ❖ **Là ngân hàng Việt Nam đầu tiên phát hành thành công 250 triệu USD trái phiếu quốc tế vào đầu tháng 5/2012** sau khi tổ chức roadshow tại một số thị trường tài chính lớn như Singapore, HongKong, London, New York, Boston... vào cuối tháng 3/2012.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Quy mô, tốc độ tăng trưởng

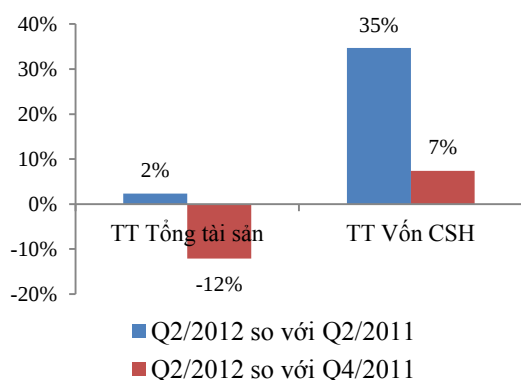
Tốc độ tăng trưởng tài sản và VCSH Quý 2/2012 tăng so với cùng kỳ năm 2011.

Tăng trưởng tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu

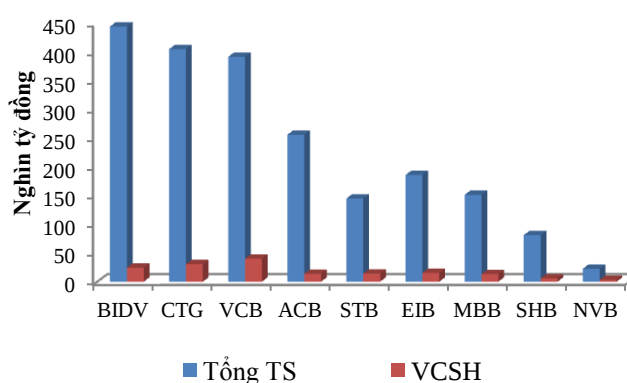
Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản Quý 2/2012 của CTG tăng 2,32% so với cùng kỳ năm 2011, nhưng giảm 12,11% so với cuối năm 2011. Nguyên nhân của sự sụt giảm này do nền kinh tế gặp khó khăn, ngân hàng kiểm soát hoạt động cho vay, hoạt động trên thị trường liên ngân hàng không còn hấp dẫn như những tháng cuối năm 2011. Điều này thể hiện rõ ở khoản mục hoạt động cho vay trên thị trường 1 và 2 đều sụt giảm mạnh so với cuối năm 2011.

Trong Quý 2/2012, VietinBank đã bổ sung một lượng vốn lớn vào hoạt động kinh doanh thông qua việc phát hành chia cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu. Với số vốn điều lệ liên tục được bổ sung, giúp cho hệ số an toàn vốn tối thiểu CAR của ngân hàng luôn được đảm bảo. So với các ngân hàng trong cùng hệ thống, CTG hiện đứng thứ 3 (sau Agribank, VCB) về vốn chủ sở hữu, nhưng xét về vốn điều lệ CTG chỉ đứng sau Agribank.

Tốc độ tăng trưởng TTS và VCSH



So sánh với một số ngân hàng tại 30/6/2012



Nguồn: Báo cáo tài chính của một số ngân hàng

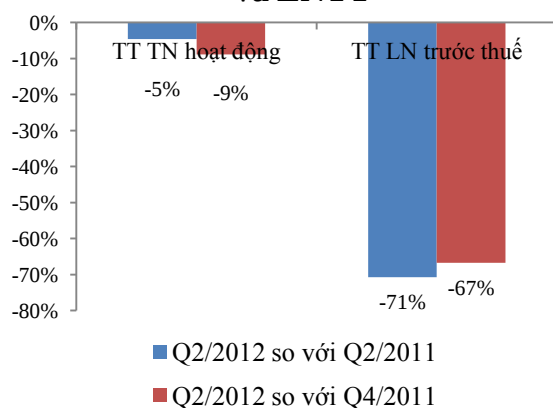
Tốc độ tăng trưởng LNTT và tổng thu nhập đều có xu hướng giảm do khó khăn chung của nền kinh tế và hệ thống ngân hàng

Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế và tổng thu nhập hoạt động

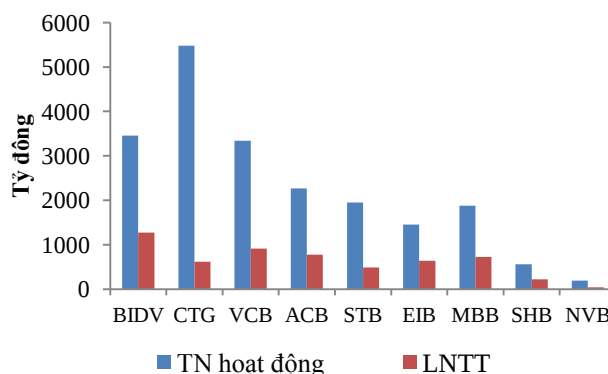
Tốc độ tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động và lợi nhuận trước thuế Quý 2/2012 của CTG đều giảm so với cùng kỳ năm 2011 và cuối năm 2011. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2011 (giảm 41%) và chi phí dự phòng rủi ro tăng. Mặt khác, do nền kinh tế vẫn còn khó khăn, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp của Chính phủ vẫn chưa cải thiện được tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp nên phần nào cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các ngân hàng.

So với các ngân hàng được so sánh, tổng thu nhập hoạt động trong Quý 2/2012 của CTG đạt mức cao nhất nhưng lợi nhuận trước thuế chỉ đứng thứ 4 (sau BIDV, VCB, ACB).

Tốc độ tăng trưởng Thu nhập và LNTT



So sánh với một số ngân hàng tại 30/6/2012



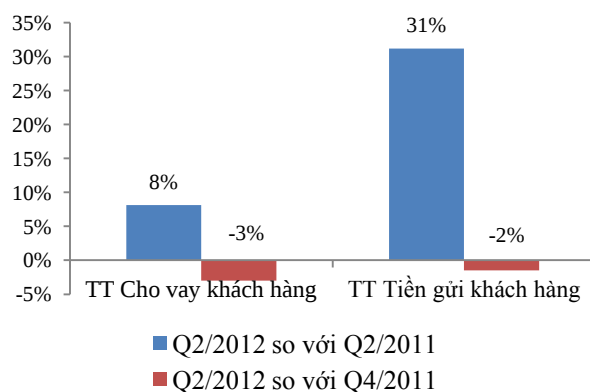
Nguồn: Báo cáo tài chính của một số ngân hàng

Tăng trưởng cho vay khách hàng, tiền gửi khách hàng

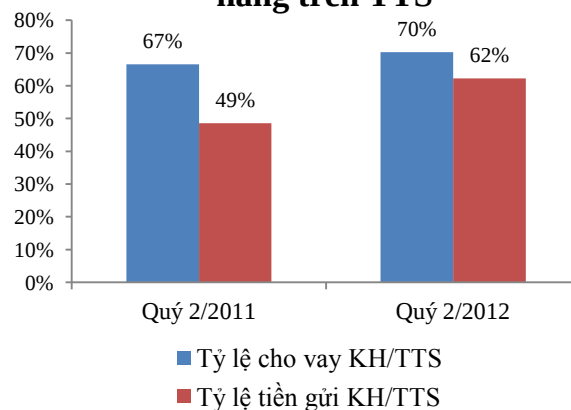
Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay có xu hướng giảm dần qua các năm

Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng trong Quý 2/2012 có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2011 nhưng lại giảm so với cuối năm 2011. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu và sự cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng gay gắt, cùng với việc Chính phủ giảm mạnh lãi suất nhằm kiềm chế lạm phát. Đồng thời, các ngân hàng thực hiện chính sách kiểm soát chặt chẽ hoạt động cho vay nhằm quản lý rủi ro tín dụng, kiểm soát nợ xấu đã khiến cho tăng trưởng tín dụng chậm lại. Tuy nhiên, tỷ trọng của hoạt động cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng vẫn chiếm tỷ trọng cao trong danh mục tài sản và nguồn vốn cho thấy các hoạt động này vẫn là hoạt động chính của ngân hàng. Với chiến lược chuyển dịch cơ cấu hoạt động trực tiếp sang kinh doanh dịch vụ, phù hợp với thông lệ quốc tế và hoạt động của ngân hàng hiện đại, VietinBank đang giảm dần tỷ trọng dư nợ cho vay trên tổng tài sản.

Tăng trưởng cho vay và tiền gửi khách hàng



Tỷ lệ cho vay và tiền gửi khách hàng trên TTS



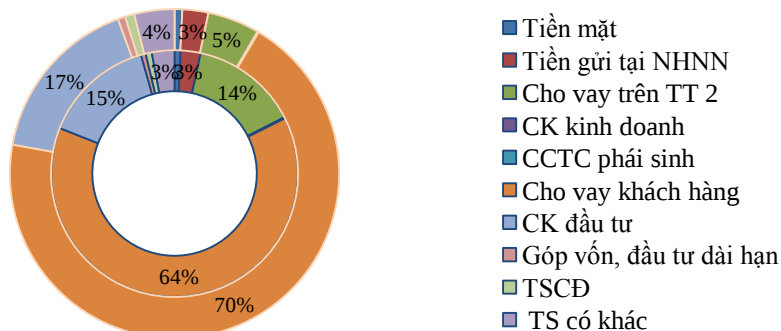
Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

2. Cơ cấu tài sản, chất lượng đầu tư

Trong danh mục tổng tài sản của CTG, hoạt động cho vay vẫn là hoạt động chủ yếu của ngân hàng, chiếm đến hơn 70% tổng tài sản; tiếp đến là chứng khoán đầu tư chiếm 17%; Các khoản mục còn lại chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng danh mục tài sản. Hoạt động cho vay trên thị trường 2 sụt giảm mạnh so với cuối năm 2011, từ chiếm 14% xuống còn 5% tổng danh mục tài sản. Nguyên nhân do lãi suất giảm mạnh, các ngân hàng có tình trạng ứ đọng vốn nên thị trường 2 không còn hoạt động sôi động như cuối năm 2011.

Cơ cấu danh mục tài sản

Vòng trong: Quý 4/2011
Vòng ngoài: Quý 2/2012



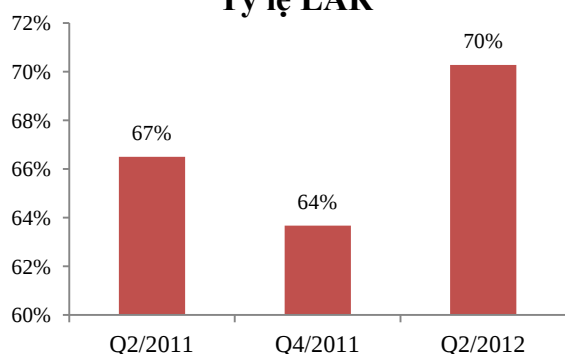
Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

Cho vay khách hàng

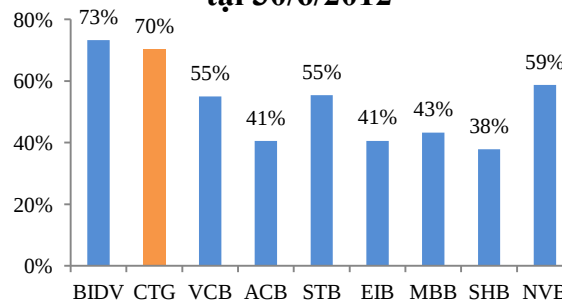
LAR khá ổn định

Tỷ lệ cho vay/Tổng tài sản (LAR) trong Quý 2/2012 lại có xu hướng tăng so với cuối năm 2011 do tốc độ tăng trưởng tổng tài sản giảm mạnh 12%, trong khi tốc độ tăng trưởng cho vay khách hàng giảm với tốc độ thấp hơn rất nhiều 3%. Nhưng so với Quý 1/2012, tỷ lệ LAR không thay đổi cho thấy chính sách thận trọng trong cho vay của VietinBank trong điều kiện nền kinh tế vẫn còn gặp khó khăn như hiện nay. So với mặt bằng chung của các ngân hàng đang niêm yết trên sàn (52,77%) thì tỷ lệ này của CTG vẫn khá cao. Tuy nhiên, với chính sách nâng cao chất lượng tài sản đảm bảo theo hướng tăng tài sản đảm bảo của các khoản cho vay, ngân hàng có thể kiểm soát tốt rủi ro, đảm bảo thanh khoản.

Tỷ lệ LAR



So sánh với một số ngân hàng tại 30/6/2012



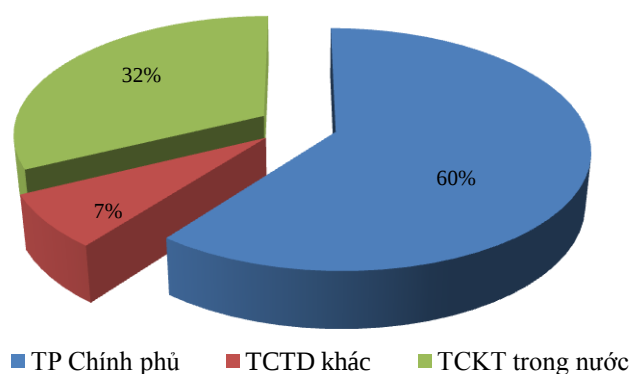
Nguồn: Báo cáo tài chính của một số ngân hàng

Danh mục chứng khoán đầu tư thận trọng, an toàn

Danh mục đầu tư

Danh mục chứng khoán đầu tư của VietinBank khá thận trọng và an toàn, chủ yếu tập trung vào chứng khoán nợ (trái phiếu chính phủ, trái phiếu của các TCTD...) chiếm đến 99% danh mục đầu tư, trong đó chứng khoán nợ sẵn sàng để bán là 66.509 tỷ đồng và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là 2.400 tỷ đồng. Mặt khác, danh mục đầu tư của VietinBank có độ rủi ro rất thấp, trái phiếu Chính phủ chiếm 60% giá trị danh mục đầu tư nên Ngân hàng có thể sử dụng linh hoạt các trái phiếu này trên hoạt động thị trường mở với Ngân hàng Nhà nước đảm bảo thanh khoản và có thể tận dụng được nguồn vốn chi phí thấp tăng hiệu quả kinh doanh của ngân hàng.

Cơ cấu danh mục đầu tư tại 30/6/2012



Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

Tỷ lệ TS Có khác và Công cụ TC phái sinh cũng có xu hướng tăng so với cuối năm 2011

Tài sản Có khác

Tỷ trọng Tài sản Có khác trong danh mục tổng tài sản cũng có xu hướng tăng so với năm 2011, từ 3% lên 4% tại Quý 2/2012. Tính theo giá trị tuyệt đối, Tài sản Có khác tăng 13%, từ 14.257 triệu đồng cuối năm 2011 lên 16.128 triệu đồng tại 30/6/2012, trong đó các khoản phải thu (bao gồm các chi phí XDCHB dở dang, mua sắm sửa chữa lớn TSCĐ....) tăng trưởng 47% so với đầu năm, các khoản DPRR cho các tài sản có nội bằng khác tăng 61% so với đầu năm.

Công cụ TC phái sinh và các tài sản TC khác

Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ của CTG tại Quý 2/2012 tăng trưởng 53% so với cuối năm 2011, trong đó giao dịch kỳ hạn tiền tệ tăng 192%, giao dịch hoán đổi tiền tệ tăng 48%. Điều này cho thấy ngân hàng đang đẩy mạnh phát triển các hoạt động phái sinh tiền tệ để thực hiện chiến lược phát triển thành ngân hàng đa năng và có thể cạnh tranh với các ngân hàng nước ngoài.

3. Chất lượng tín dụng

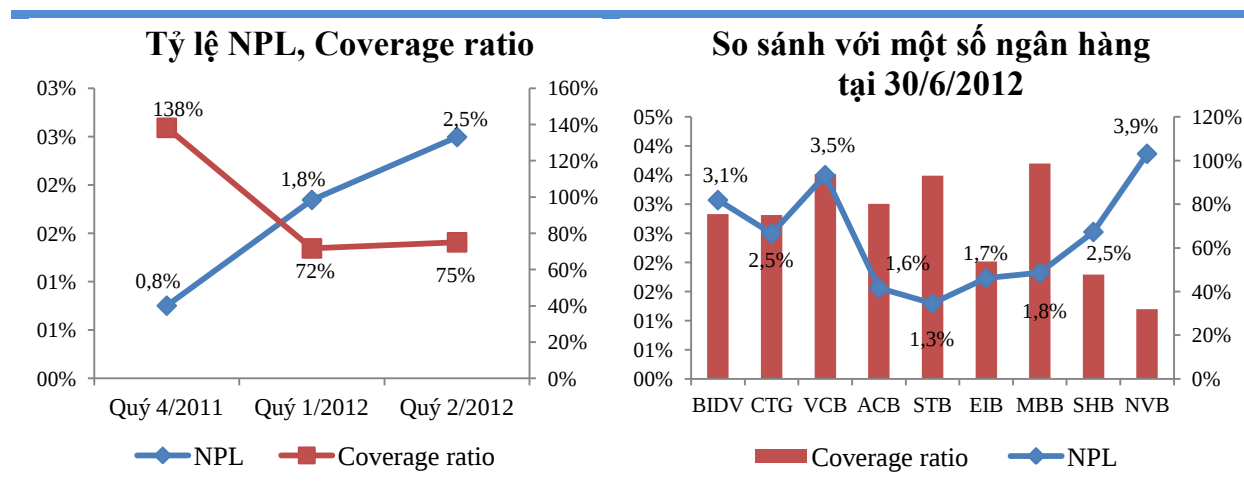
Nợ xấu tăng nhưng vẫn thấp nhất trong khối NH TMCP Nhà nước

Tỷ lệ nợ xấu Quý 2/2012 của CTG có xu hướng tăng, trong đó nợ có khả năng mất vốn và nợ nghi ngờ tăng đột biến so với Quý 1/2012, lần lượt là 127% và 120%. Trong 6 tháng đầu năm 2012 tín dụng tăng chậm, thậm chí giảm, trong

khi nhiều khoản nợ cũ trở thành nợ xấu, khiến lợi nhuận của hầu hết ngân hàng đều bị ảnh hưởng. Cùng với xu hướng chung của toàn ngành ngân hàng, do nợ xấu Quý 2/2012 của CTG mạnh trong khi tăng trưởng dư nợ âm đã khiến ngân hàng phải trích lập rủi ro trong kỳ lên đến 1.482 tỷ đồng, chiếm 65% lợi nhuận trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng. Như vậy, có thể thấy rằng nợ xấu gia tăng đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của CTG, khiến cho lợi nhuận sau thuế sụt giảm mạnh, giảm 69% so với cùng kỳ năm 2011 (mặc dù lợi nhuận trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng Quý 2/2012 vẫn tăng 6,58% so với cùng kỳ năm 2011).

Tuy nhiên, so với ngành ngân hàng, tỷ lệ nợ xấu của CTG vẫn thấp hơn trung bình ngành. Đặc biệt so với NH TMCP Nhà nước, nợ xấu của CTG vẫn thấp nhất. Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn trên tổng dư nợ của CTG cũng rất thấp so với các NH TMCP Nhà nước: trong khi VCB chiếm 1,83%, BIDV chiếm 1,02% thì CTG chỉ chiếm có 0,8% tổng dư nợ cho vay. Điều này cho thấy chính sách quản lý tín dụng của CTG trong điều kiện nền kinh tế vẫn còn khó khăn rất hiệu quả. Với những chính sách quản lý hiệu quả trên, tình hình nợ xấu của CTG nhiều khả năng sẽ được kiểm soát tốt trong 6 tháng cuối năm 2012.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (Coverage ratio) Quý 2/2012 của CTG tăng nhẹ so với Quý 1/2012 và đang ở mức trên 75%, cao hơn so với mức trung bình của 8 ngân hàng niêm yết (71,8%), thể hiện quan điểm thận trọng của CTG trong việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng trong điều kiện nền kinh tế khó khăn.



Nguồn: Báo cáo tài chính của một số ngân hàng

Cơ cấu dư nợ cho vay

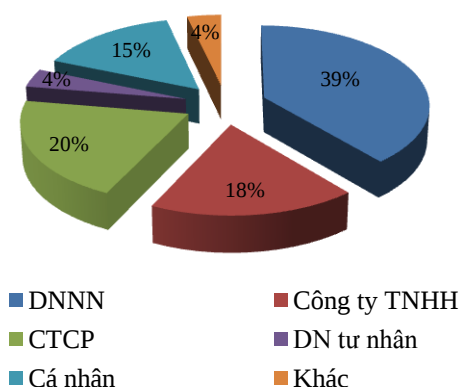
Cho vay ngắn hạn chiếm 58% danh mục cho vay.

Giống như nhiều ngân hàng khác tại Việt Nam, dư nợ cho vay của CTG tập trung cho vay ngắn hạn, chiếm đến 58% danh mục cho vay tại Quý 2/2012. Cơ cấu cho vay của CTG hoàn toàn phù hợp với cơ cấu tiền gửi của ngân hàng, chủ yếu tập trung vào các tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (kỳ hạn dưới 1 năm chiếm đến 85% tổng nguồn vốn huy động).

Cơ cấu cho vay theo đối tượng khách hàng hợp lý: 40% SOE - 30% SME - 30% Khác

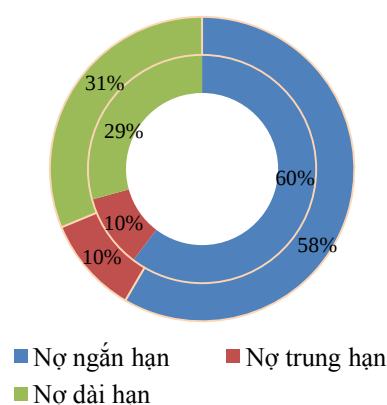
Đối tượng khách hàng vay vốn của CTG chủ yếu tập trung vào nhóm khách hàng doanh nghiệp (chiếm đến 89% danh mục cho vay), trong đó doanh nghiệp Nhà nước chiếm 39% tổng dư nợ cho vay. Nguồn vốn cho vay các doanh nghiệp nhà nước chủ yếu để tài trợ cho các ngành kinh tế mũi nhọn, trọng điểm quốc gia, an toàn, có hiệu quả và có khả năng trả nợ tốt của các tập đoàn, tổng công ty lớn như Tập đoàn Dầu khí Quốc gia (Petro Việt Nam), Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam, Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, Tổng công ty Thép, Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Vinaconex, Tổng công ty Xăng dầu (Petrolimex), Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam.... Mặt khác để phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, VietinBank cũng rất chú trọng phát triển sản phẩm tín dụng đối với khối các DN VVN nhằm khai thác các thế mạnh, tiềm lực kinh tế của các doanh nghiệp này cũng như phân tán rủi ro của ngân hàng trong hoạt động tín dụng. Tính đến 30/6/2012, tỷ trọng cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ của CTG chiếm gần 30% tổng dư nợ cho vay.

Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng



Dư nợ cho vay theo kỳ hạn

Vòng ngoài: Q2/2012
Vòng trong: Q4/2011

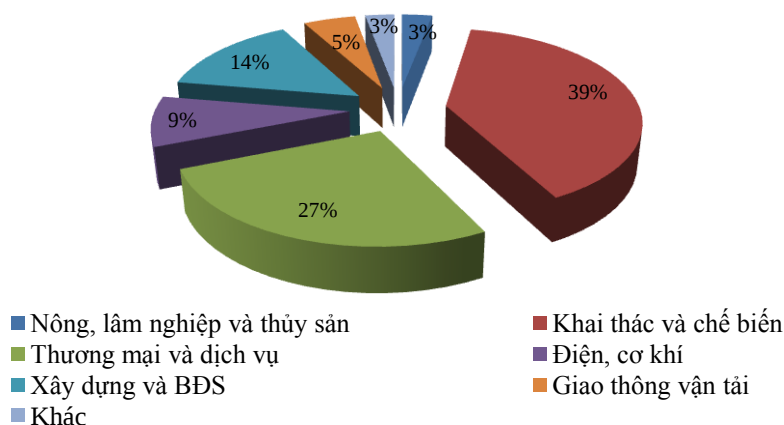


Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

Cơ cấu dư nợ không phụ thuộc quá nhiều vào 1 nhóm ngành giúp phân tán rủi ro

Danh mục tín dụng theo ngành của CTG phù hợp với tình hình phát triển kinh tế chung của đất nước. Dư nợ tín dụng của ngành công nghiệp khai thác và chế biến chiếm tỷ trọng lớn nhất 39%, tiếp đến là ngành thương mại dịch vụ chiếm 27%, xây dựng và bất động sản chiếm 14%. Với cơ cấu dư nợ không phụ thuộc quá nhiều vào một nhóm ngành, CTG có thể phân tán được rủi ro trong hoạt động cho vay của mình.

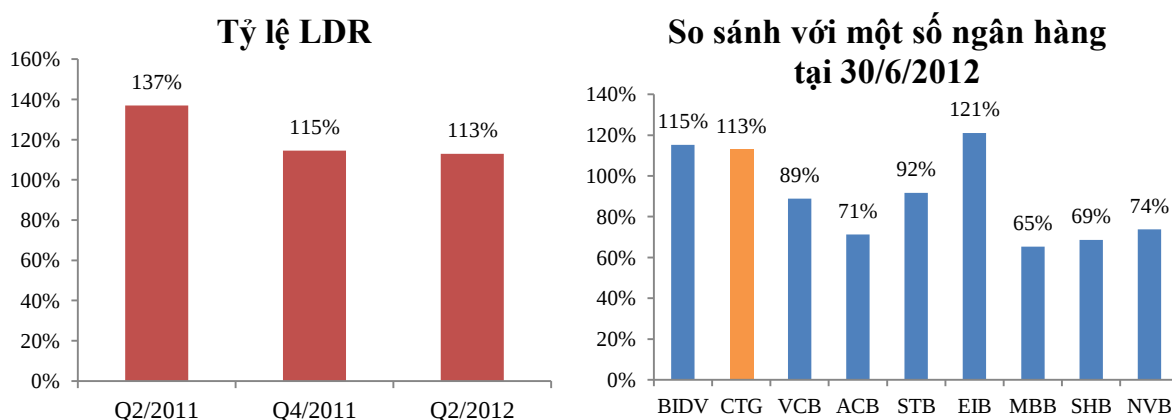
Dư nợ cho vay theo ngành



4. Tính thanh khoản

LDR có xu hướng giảm

Tỷ lệ cho vay/tiền gửi (LDR) trong Quý 2/2012 giảm so với cùng kỳ năm 2011, từ 137% tại Quý 1/2012 xuống còn 113% tại Quý 2/2012 và ở mức khá cao so với các ngân hàng trong cùng ngành. Nguyên nhân do tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng sụt giảm nhanh hơn tốc độ tăng trưởng tiền gửi khách hàng. Mặt khác, do tình hình kinh tế khó khăn, các doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả nên các ngân hàng kiểm soát chặt chẽ các khoản vay khiến cho tăng trưởng dư nợ cho vay chậm lại.



Nguồn: Báo cáo tài chính của một số ngân hàng

Hệ số an toàn vốn

CAR cao với nguồn vốn cấp 1 luôn được bổ sung để đảm bảo an toàn

Việc luôn đảm bảo duy trì hệ số an toàn vốn CAR theo đúng quy định sẽ giúp ngân hàng có thể đảm bảo được việc hỗ trợ thanh toán các khoản nợ đến hạn, cũng như hỗ trợ thêm các hoạt động kinh doanh của mình.

Với tình hình tài chính lành mạnh, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu CAR của VietinBank luôn cao hơn mức quy định tối thiểu 9% của NHNN cho thấy nguồn vốn dồi dào của Ngân hàng. Tổng nguồn vốn của Ngân hàng chủ yếu đến từ nguồn vốn cấp 1, nguồn vốn cấp 2 chiếm tỷ lệ không đáng kể.

Tỷ lệ khả năng chi trả luôn cao hơn mức quy định của NHNN

Tỷ lệ khả năng chi trả (Tổng tài sản có thanh toán ngay/Tổng nợ phải trả) của VietinBank luôn cao hơn mức quy định 15% của Ngân hàng Nhà nước. Tỷ lệ này trong Quý 1 và Quý 2 năm 2012 giảm mạnh so với năm 2011 do ngân hàng thu hẹp hoạt động đầu tư trên thị trường 2.

Chỉ tiêu	2011	Q1/2012	Q2/2012
Tỷ lệ khả năng chi trả (%)	18,82	8,25	9,21
Hệ số an toàn vốn CAR (%)	10,57	10,93	11,99

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

Thu hút được nguồn vốn lớn từ các tập đoàn, TCT lớn

Cơ cấu tiền gửi khách hàng

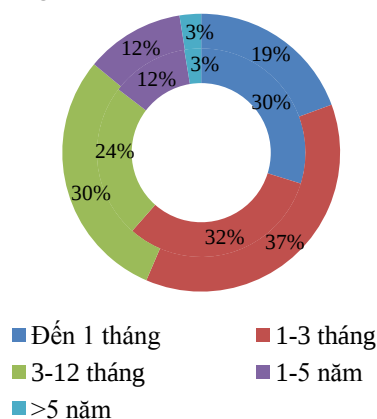
Nhờ thương hiệu mạnh và uy tín cao, VietinBank đã thiết lập và duy trì được một lượng vốn lớn với các cơ quan nhà nước, tập đoàn, tổng công ty lớn như Kho bạc Nhà nước, TCT Thép, Tập đoàn Dầu khí, Tập đoàn Than khoáng sản..., chiếm 41% tổng nguồn vốn huy động của VietinBank. Với nguồn vốn huy động có độ ổn định cao và chi phí thấp trên, đã tạo lợi thế cho VietinBank giảm chi phí vốn bình quân, đảm bảo một nguồn vốn ổn định cho ngân hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch thanh khoản ròng dưới 3 tháng ở trạng thái âm

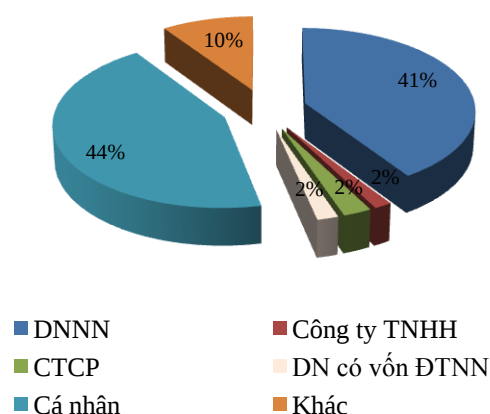
Phù hợp với cơ cấu huy động theo đối tượng khách hàng, tiền gửi có kỳ hạn của CTG cũng chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục tiền gửi (gần 85% tổng tiền gửi), trong đó kỳ hạn dưới 3 tháng chiếm đến 56% tổng nguồn vốn huy động. Do tỷ trọng cho vay có kỳ hạn dưới 3 tháng của CTG chiếm 32% nên chênh lệch thanh khoản ròng dưới 3 tháng (cho vay - huy động) của CTG có trạng thái âm. Các kỳ hạn khác đều có trạng thái thanh khoản ròng dương.

Cơ cấu tiền gửi theo kỳ hạn

Vòng ngoài: Q2/2012
Vòng trong: Q4/2011



Cơ cấu tiền gửi theo thành phần kinh tế



Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

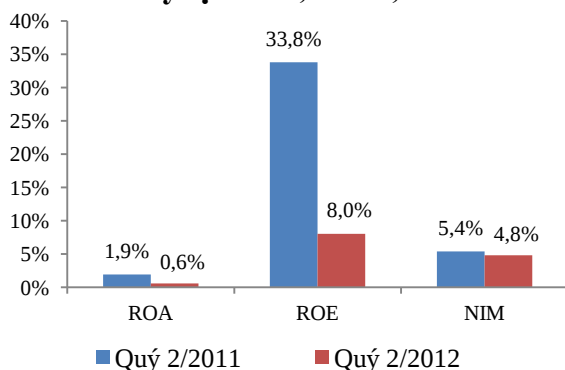
5. Khả năng sinh lời

ROE, ROA, NIM giảm theo xu hướng chung của toàn hệ thống ngân hàng

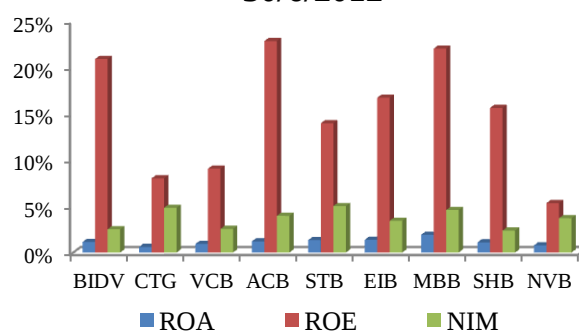
ROA, ROE của CTG trong Quý 2/2012 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2011 và mức khá thấp so với các ngân hàng được so sánh. Nguyên nhân do lợi nhuận Quý 2/2012 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2011, giảm 69,2% (chủ yếu do thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối giảm 41% và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong kỳ tăng đột biến 1.481.774 triệu đồng, trong khi năm 2011 số dự phòng này được hoàn 611.086 triệu đồng do CTG nâng cao chất lượng tài sản đảm bảo theo hướng tăng tài sản đảm bảo của các khoản cho vay).

Cùng với xu hướng chung của toàn hệ thống ngân hàng, NIM của CTG cũng có xu hướng giảm, từ 5,4% tại Quý 1/2011 xuống còn 4,8% tại Quý 2/2012 và ở mức cao so với các ngân hàng được so sánh (chỉ sau STB 5,0%). Sở dĩ tỷ lệ NIM giảm là do tốc độ tăng trưởng tín dụng chậm lại; lãi suất đã được điều chỉnh giảm liên tiếp trong Quý 2/2012 khiến cho lãi suất cho vay giảm mạnh, đặc biệt chính sách giảm lãi suất cho vay hỗ trợ các doanh nghiệp để thu hồi vốn gốc và lãi nhằm giảm tỷ lệ nợ xấu cũng khiến cho thu nhập lãi thuần của ngân hàng sụt giảm, trong khi Quý 1/2012 tốc độ giảm lãi suất cho vay thấp hơn, kết quả tỷ lệ NIM của Quý 2 thấp hơn so với Quý 1. Bên cạnh đó, thanh khoản tiền đồng của CTG dồi dào nên để thu hút khách hàng ngân hàng có chính sách giảm lãi suất khiến NIM giảm.

Tỷ lệ ROA, ROE, NIM



So sánh với một số ngân hàng tại 30/6/2012



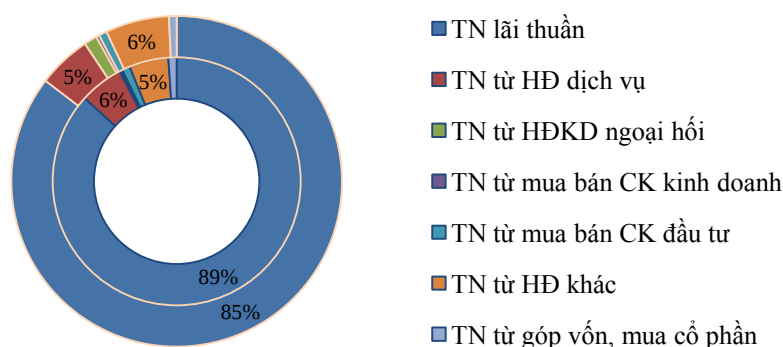
Nguồn: Báo cáo tài chính của một số ngân hàng

Thu nhập lãi thuần vẫn là chủ yếu

Cơ cấu các khoản thu nhập của CTG vẫn đến từ các dịch vụ ngân hàng truyền thống, trong đó thu nhập lãi thuần vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất 85%. Tuy nhiên, tỷ trọng thu nhập ngoài lãi trong tổng thu nhập trong Quý 2/2012 có xu hướng tăng từ 10,22% tại Quý 2/2011 lên 14,58% tại Quý 2/2012 cho thấy CTG đang có xu hướng tăng thu từ các dịch vụ ngoài lãi nhằm đa dạng hóa nguồn thu, phân tán rủi ro. Đặc biệt, trong Quý 2/2012, thu nhập từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư đã tăng đột biến so với Quý 1/2012 (thu nhập từ chứng khoán kinh doanh tăng 44%, thu nhập từ chứng khoán đầu tư tăng 806%) do trong Quý 2/2012 VietinBank nhận được lợi tức hàng năm của các chứng khoán đầu tư.

Cơ cấu thu nhập

Vòng ngoài: Quý 2/2012
Vòng trong: Quý 4/2011



Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

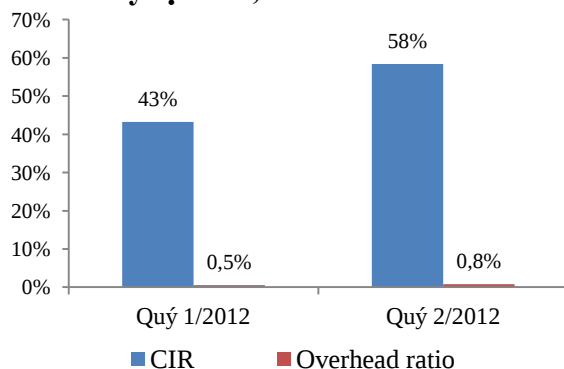
6. Hiệu quả hoạt động

CIR, Overhead Ratio có xu hướng tăng do xuất phát từ việc mở rộng mạng lưới và tình hình chung của nền kinh tế

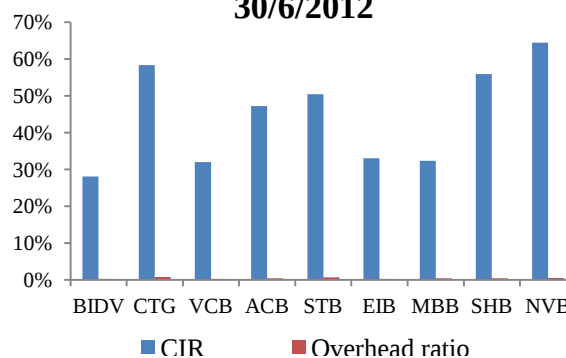
Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) của CTG trong Quý 2/2012 có xu hướng tăng so với Quý 1/2012 và ở mức cao so với các ngân hàng có cùng quy mô trong ngành. Tỷ trọng này có xu hướng tăng do ngân hàng đang đẩy mạnh phát triển hệ thống mạng lưới hoạt động nhằm nâng cao thị phần và hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Mặt khác, trong điều kiện nền kinh tế khó khăn như hiện nay, hầu hết tốc độ tăng trưởng thu nhập của các ngân hàng đều sụt giảm, trong khi các khoản chi phí chung phục vụ cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng vẫn phát sinh nên khiến cho CIR tăng mạnh. Trong Quý 2/2012, tốc độ tăng trưởng thu nhập của CTG so với Quý 1/2012 chỉ tăng 8,72%, trong khi tốc độ tăng chi phí lại lên đến 147% (chủ yếu tăng chi phí tài sản và chi phí quản lý công vụ). Đây là hệ quả từ việc mở rộng mạnh lưới ra nước ngoài của VietinBank trong thời gian vừa qua.

Tỷ lệ Chi phí chung (Overhead Ratio) Quý 2/2012 có xu hướng tăng so với Quý 1/2012. Đây là điều hợp lý do chi phí hoạt động thường tăng nhanh trong thời kỳ lạm phát cao, cùng với việc ngân hàng đang đẩy mạnh mở rộng mạng lưới hoạt động.

Tỷ lệ CIR, Overhead ratio



So sánh với một số ngân hàng tại 30/6/2012

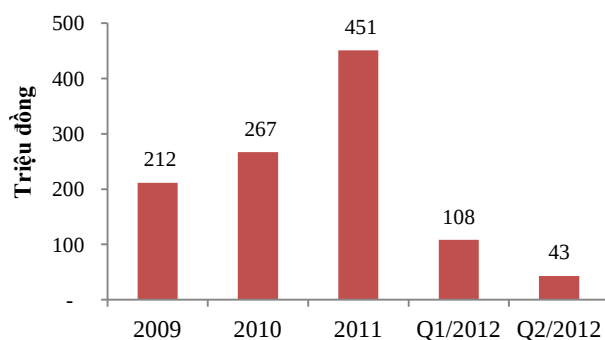


Nguồn: Báo cáo tài chính của một số ngân hàng

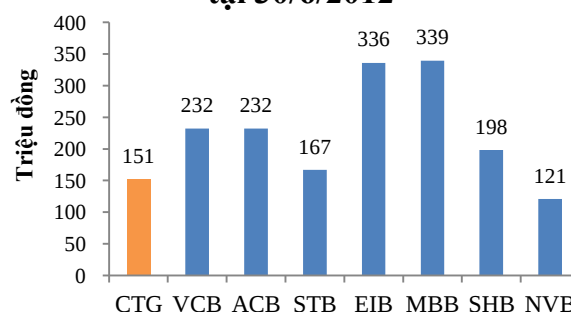
Lợi nhuận do một nhân viên tạo thấp do trích lập DPRR gia tăng

Lợi nhuận do một nhân viên tạo ra trong Quý 2/2012 có giảm 60% so với Quý 1/2012 do trong quý này ngân hàng trích lập dự phòng tăng đột biến, chiếm 65% tổng lợi nhuận trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng. Đây là tình hình chung của các ngân hàng trong hệ thống do hệ quả việc khủng hoảng kinh tế dẫn đến việc sản xuất kinh doanh của hàng loạt các doanh nghiệp gặp khó khăn khiến cho tỷ lệ nợ xấu tăng cao.

LNTT/ 1 nhân viên



So sánh với một số ngân hàng tại 30/6/2012



Nguồn: Báo cáo tài chính của một số ngân hàng

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Các chỉ tiêu tài chính của CTG trong Quý 2/2012 cho thấy ngân hàng có nguồn vốn tự có để trả nợ dồi dào, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu luôn được đảm bảo. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế vẫn còn khó khăn; tốc độ tăng trưởng tín dụng những tháng đầu năm 2012 chậm lại, thậm chí âm; lãi suất giảm mạnh đã khiến cho tình hình hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống ngân hàng bị ảnh hưởng. Tính đến hết Quý 2/2012, tốc độ tăng trưởng huy động và dư nợ cho vay của VietinBank đều bị sụt giảm, các chỉ tiêu sinh lời mất dần đi tính hấp dẫn, nợ xấu gia tăng mạnh nên ngân hàng phải tăng trích lập dự phòng khiến cho lợi nhuận Quý 2/2012 bị sụt giảm mạnh 69% so với cùng kỳ năm 2011.

Với tốc độ tăng trưởng tín dụng bắt đầu phục hồi từ tháng 5/2012 và sẽ tăng trưởng tốt trong nửa cuối 2012; hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, kinh doanh ngoại hối dự kiến sẽ có sự phục hồi vào cuối năm; cùng với chính sách nâng cao chất lượng tài sản đảm bảo theo hướng tăng tài sản đảm bảo cho các khoản vay của VietinBank, chúng tôi cho rằng nợ xấu của ngân hàng sẽ được kiểm soát tốt, dự phòng rủi ro tín dụng những tháng cuối năm sẽ chỉ tăng nhẹ, các khoản thu nhập ngoài lãi sẽ tăng trưởng mạnh, đặc biệt là thu nhập từ dịch vụ và kinh doanh ngoại hối.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ II/2012

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM (Số đã kiểm toán)
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3.098	3.714
II	Tiền gửi tại NHNN	10.454	12.101
III	Tiền vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	20.917	65.452
IV	Chứng khoán kinh doanh	465	543
V	CCTC phái sinh và các tài sản tài chính khác	31	20
VI	Cho vay khách hàng	279.331	290.398
1	Cho vay khách hàng	284.663	293.434
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(5.332)	(3.037)
VII	Chứng khoán đầu tư	67.893	67.449
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	65.743	65.321
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.400	2.400
3	DP giảm giá chứng khoán đầu tư	(250)	(272)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.007	2.924
IX	Tài sản cố định	3.716	3.746
X	Bất động sản đầu tư	-	-
XI	Tài sản có khác	16.128	14.257
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN CÓ	405.040	460.604
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	428	27.294
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	43.735	74.408
III	Tiền gửi của khách hàng	252.148	257.274
IV	Các CCTC phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	38.726	36.825
VI	Phát hành giấy tờ có giá	14.223	11.089
VII	Các khoản nợ khác	24.955	25.016
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	374.214	431.905
VIII	Vốn và các quỹ	30.617	28.491
1	Vốn của TCTD	26.220	22.174
	- Vốn điều lệ	26.218	20.230
	- Thặng dư vốn cổ phần	2	1.944
2	Quỹ của TCTD	1.495	1.476
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi BCTC	300	300
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	2.602	4.541
IX	Lợi ích của cổ đông thiểu số	208	208
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	405.040	460.604

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ II/2012

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý II/2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối QII/2012
1	Thu nhập lãi & các khoản thu nhập tương tự	13.057	27.408
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	8.377	18.369
I	Thu nhập lãi thuần	4.680	9.039
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	423	827
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	136	242
II	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động D/vụ	286	585
III	Lãi /lỗ thuần từ hoạt động KD ngoại hối	70	186
IV	Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	17	29
V	Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	44	49
5	Thu nhập từ hoạt động khác	409	636
6	Chi phí hoạt động khác	69	102
VI	Lãi /lỗ thuần từ hoạt động khác	341	533
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	41	98
VIII	Chi phí hoạt động	3.198	5.376
IX	Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	2.282	5.143
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.482	2.327
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	800	2.816
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	186	662
XIII	Lợi nhuận sau thuế	614	2.154
XIV	Lợi ích của cổ đông thiểu số	5	10
XV	Lợi nhuận thuần sau thuế của Chủ sở hữu	609	2.144

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CTG

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	Q1/2012	Q2/2012
ROA	1,18%	0,93%	1,36%	1,51%	0,61%
ROE	22,86%	18,79%	21,97%	20,53%	8,02%
NIM	3,40%	3,42%	4,54%	4,50%	4,84%
LDR	109,86%	113,74%	114,06%	118,39%	112,90%
LAR	66,93%	63,69%	63,71%	70,27%	70,28%
CAR					
VCSH/Tổng TS	5,16%	4,94%	6,19%	7,38%	7,56%
Nợ phải trả/VCSH	18,37	19,23	15,16	12,55	12,22
TS thanh khoản/Tổng TS	12,97%	15,99%	17,64%	7,64%	8,51%
Chi phí/Thu nhập (CIR)	55,94%	48,57%	40,57%	43,22%	58,36%
Overhead ratio	2,22%	1,96%	1,97%	0,54%	0,79%
Lợi nhuận/ 1 nhân viên (triệu đồng)	212	267	451	108	43

NPL	0,61%	0,66%	0,75%	1,85%	2,50%
Coverage ratio	154,99%	180,03%	137,76%	71,68%	75,04%
DPRR/Dư nợ cho vay	0,95%	1,18%	1,03%	1,32%	1,87%
TN lãi thuần/Tổng thu nhập	81,94%	81,58%	89,60%	86,49%	85,42%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA MỘT SỐ NGÂN HÀNG TẠI 30/6/2012

CHỈ TIÊU	BIDV	CTG	VCB	ACB	STB	EIB	MBB	SHB	NVB
ROA (%)	1,1	0,6	0,9	1,2	1,3	1,4	1,9	1,1	0,8
ROE (%)	20,9	8,0	9,1	22,9	14,0	16,7	22,0	15,6	5,3
NIM (%)	2,5	4,8	2,6	4,0	5,0	3,4	4,6	2,4	3,7
COF (%)	2,1	2,7	1,7	1,9	2,4	2,3	1,7	2,8	2,8
YEA (%)	2,3	3,4	2,1	3,1	3,5	2,9	2,8	3,4	3,7
LDR (%)	115,2	112,9	88,8	71,2	91,7	121,1	65,4	68,6	73,9
LAR (%)	73,3	70,3	55,0	40,5	55,4	40,6	43,3	37,9	58,7
VCSH/TTS (%)	5,5	7,6	10,3	5,3	9,7	8,2	8,7	7,0	14,5
Nợ phải trả/VCSH	17,3	12,2	8,8	17,9	9,4	11,2	10,4	13,2	5,9
TS thanh khoản/TTS (%)	11,0	8,5	32,0	26,6	20,8	38,7	30,0	38,9	13,5
CIR (%)	28,1	58,4	32,0	47,2	50,4	33,1	32,4	55,9	64,5
Overhead ratio (%)	0,2	0,8	0,3	0,4	0,7	0,3	0,4	0,4	0,6
LNTT/1 nhân viên (triệu đồng)	-	151	232	232	167	336	339	198	121
NPL (%)	3,1	2,5	3,5	1,6	1,3	1,7	1,8	2,5	3,9
Coverage ratio (%)	75,4	75,0	93,8	80,1	93,0	53,9	98,7	47,8	32,0
DPRR/Dư nợ cho vay (%)	2,3	1,9	3,3	1,3	1,2	0,9	1,8	1,2	1,2
TN lãi thuần/Tổng TN (%)	78,2	85,4	73,5	86,7	76,9	97,7	84,4	76,9	91,6
TN dịch vụ/ Tổng TN (%)	11,1	5,2	14,6	8,4	10,1	4,5	11,2	4,3	2,6